

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 613/2021/DS-ST
Ngày: 29 – 4 - 2021
*V/v tranh chấp thừa kế tài sản; hủy
di chúc*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung
Ông Trần Văn Cảnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 và ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2015/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc tranh chấp thừa kế tài sản; hủy di chúc. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1412/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Đoàn Hữu P**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 36/3 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1985.

Địa chỉ liên lạc: Số 61/3 đường K, phường X, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 011000 ngày 18/5/2018, lập tại Văn phòng công chứng Đ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông luật sư **Nguyễn Bá T**, Văn phòng luật sư Nguyễn Bá T thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 40A đường T, phường N, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Đoàn Thanh T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 36/3 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông **Bùi Kim H**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 004 lô B3 chung cư 1A-1B đường C, phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 012792 ngày 12/10/2016, lập tại Văn phòng công chứng T).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông luật sư **Hoàng Đăng Vĩnh H**, Văn phòng luật sư Q thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 166 đường K, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đoàn Thị X (Doan Thi Que X)**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 2 Stipa st. Delahey Victoria. 3037. Australia.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1985.

Địa chỉ liên lạc: Số 61/3 đường K, phường X, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2018, số công chứng 728/18 đã được Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Sydney, Australia chứng nhận ngày 24/5/2018).

2. Ông **Đoàn Thanh L (Doan L Thanh)**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 188. Burwood. Rd Belmore. NSW 2192. Australia.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1985.

Địa chỉ liên lạc: Số 61/3 đường K, phường X, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018, số công chứng 732/18 đã được Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Sydney, Australia chứng nhận ngày 21/5/2018).

3. Bà **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 36/3 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông **Đoàn Văn Q**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 1050/73/7 đường T, phường T, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà **Đoàn Thị Mỹ D**, chết 2012.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D:

5.1. Ông **Trương Tấn H**, sinh năm 1956. (chồng)

5.2. Ông **Trương Đoàn Anh D**, sinh năm 1987. (con)

Cùng địa chỉ: Số 60/19 đường H, phường S, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thanh L, ông Văn Q, ông Tấn H, ông Anh D: Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1985.

Địa chỉ liên lạc: Số 61/3 đường K, phường X, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 011000 ngày 18/5/2018, lập tại Văn phòng công chứng Đ).

6. Bà **Đỗ Thị Đ**, sinh năm 1962.

7. Bà **Đoàn Thanh Q**, sinh năm 1990.

8. Ông **Đoàn Minh Q**, sinh năm 1996.

9. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1962.

10. Bà **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1965.

11. Ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1993.

12. Trẻ **Nguyễn Hoàng K**, sinh năm 2004.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Hoàng K:

Bà **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1965, mẹ ruột.

Cùng địa chỉ: Số 36/3 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. **Văn phòng công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Địa chỉ: Số 528 đường C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông **Đoàn Thanh H**, chức vụ Trưởng Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông **Phạm Xuân Đ**, sinh năm 1987.

(Theo Giấy ủy quyền số 54/2016/GUQ ngày 15/11/2016).

Người làm chứng:

1. Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số 9/26 đường Số 7, cư xá Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Hồ Thị Thúy L**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 36/19 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Số 36/1 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà **Dương Thị P**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số 36/15 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Nguyên đơn ông Đoàn Hữu P, do bà Nguyễn Thị Kim N làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ nguyên đơn là cụ ông Đoàn Văn N (chết năm 1980) và cụ bà Nguyễn Thị N (chết năm 2014) lúc còn sống đã tạo lập được tài sản là căn nhà tọa lạc tại địa chỉ: Số 36/3 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Căn nhà 36/3), có tất cả 07 (bảy) người con chung, bao gồm:

- Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1955;
- Ông Đoàn Văn Q, sinh năm 1956;
- Bà Đoàn Thị Mỹ D (chết năm 2012), có chồng là Trương Tấn H, sinh năm 1956 và con là Trương Đoàn Anh D, sinh năm 1987;
- Ông Đoàn Hữu P, sinh năm 1960;
- Bà Đoàn Thanh T, sinh năm 1962;
- Ông Đoàn Thanh L, sinh năm 1964;
- Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1965.

Năm 1980, cụ Đoàn Văn N chết không có di chúc, gia đình đã kê khai di sản thừa kế phần của cụ theo quy định của pháp luật. Năm 2014, cụ Nguyễn Thị N chết, không có di chúc, gia đình chưa kê khai di sản thừa kế của cụ.

Do trước đây lâm tường bị đơn đang giữ bản chính giấy tờ nhà nên các anh chị em đã yêu cầu bị đơn xuất trình để làm thủ tục kê khai di sản thừa kế. Nhưng thực tế là bản chính giấy tờ nhà đã thất lạc từ năm 2013 khi bà Đoàn Thị

Mỹ D đi làm hợp thức hóa nhà. Năm 2012 bà D chết, không ai biết bản chính giấy tờ nhà bà D đã đưa cho ai và thất lạc từ đó.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp cho Tòa án Di chúc số công chứng 011109 lập tại Văn phòng công chứng B ngày 18/6/2014 của cụ bà Nguyễn Thị N. Nguyên đơn không công nhận Di chúc trên do lập không hợp pháp, nội dung không đúng ý nguyện của Nguyễn Thị N và thủ tục hình thức do Văn phòng công chứng B lập không theo quy định pháp luật (Văn phòng công chứng đã lập di chúc mà không có đối chiếu bản chính giấy tờ nhà, vì bản chính giấy tờ nhà như nguyên đơn trình bày đã thất lạc từ năm 2013 khi bà Đoàn Thị Mỹ D đang làm thủ tục đổi giấy chứng nhận Căn nhà 36/3 cho gia đình thì chết đột ngột).

Nguyên đơn xác nhận cụ Nguyễn Thị N đã bệnh và nằm một chỗ từ đầu năm 2014, không còn nhận thức, sống đời sống thực vật và do bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc 24/24. Được bà Hồ Thị Thúy L (tổ trưởng tổ dân phố 84 khu phố N, ủy viên Ban chấp hành Chi hội Người cao tuổi khu phố N, tổ trưởng Hội cao tuổi của tổ 84), bà Võ Thị N (trước đây là tổ trưởng tổ dân phố 84 khu phố N, hàng xóm), bà Dương Thị P (hàng xóm) xác nhận tại giấy xác nhận, các bản khai và văn bản xác minh của Văn phòng luật sư Nguyễn Bá T.

Ngày 15/3/2017, nguyên đơn đã nộp đơn khiếu kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B, yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B trong quá trình thực hiện chức năng quản lý đối với Bệnh viện Quận B là trái pháp luật, cố tình bao che cho những sai phạm nghiêm trọng của Bệnh viện quận B khi thực hiện khám và cấp giấy khám sức khỏe ngày 10/6/2014 cho cụ Nguyễn Thị N, đồng thời yêu cầu hủy Giấy khám sức khỏe trên. Tuy nhiên ngày 27/8/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 1045/2019/QĐST-DS vì Giấy khám sức khỏe ngày 10/6/2014 của Bệnh viện Quận B, không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Đoàn Văn N và cụ Nguyễn Thị N là căn nhà tọa lạc tại địa chỉ Số 36/3 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Di chúc số công chứng 011109 lập tại Văn phòng công chứng B ngày 18/6/2014.

Bà Nguyễn Thị Kim N xác định hiện trạng vị trí nhà đất tranh chấp được thể hiện qua Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/11/2019, hiện nay không có thay đổi hiện trạng. Đồng thời bà cũng thống nhất với giá trị nhà đất

tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số 0304-2/2020/CT-MHD ngày 03/4/2020 của Công ty TNHH Thẩm định giá MHD. Bà cũng không yêu cầu đo vẽ, định giá lại nhà đất tranh chấp nêu trên.

Hiện nay, tại nhà đất tranh chấp nêu trên gồm có những người cư trú sau: bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Văn H (chồng bà L), anh Nguyễn Hoàng H và trẻ Nguyễn Hoàng K (con bà L), ông Đoàn Hữu P, bà Đỗ Thị Đ (vợ ông P), bà Đoàn Thanh Q và ông Đoàn Minh Q (con ông P).

Bị đơn bà Đoàn Thanh T có ông Bùi Kim H đại diện ủy quyền trình bày:

Căn nhà 36/3 do cha mẹ bị đơn tạo lập từ năm 1957 (có bản tường trình nguồn gốc nhà được Ủy ban nhân dân phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận năm 1992). Năm 1980, sau khi cha chết, gia đình có làm Tờ khai dịch chuyển tài sản nộp thuế trước bạ ngày 15/9/1992 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Năm 2014, cụ Nguyễn Thị N chết, có để lại Di chúc số công chứng 011109 lập tại Văn phòng công chứng B ngày 18/6/2014 với nội dung để lại toàn bộ phần quyền sở hữu của cụ tại Căn nhà 36/3 cho bị đơn. Bị đơn xác định không giữ bản chính giấy tờ nhà đất đang tranh chấp, với lý do đã bị mất vào năm 2015, sau khi cụ Nguyễn Thị N chết. Do đó, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Ông Bùi Kim H xác định hiện trạng vị trí nhà đất tranh chấp được thể hiện qua Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 11/11/2019. Đồng thời ông cũng thống nhất với giá trị nhà đất tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số 0304-2/2020/CT-MHD ngày 03/4/2020 của Công ty TNHH Thẩm định giá MHD. Ông cũng không yêu cầu đo vẽ, định giá lại nhà đất tranh chấp nêu trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm bà Đoàn Thị X, ông Đoàn Văn Q, ông Đoàn Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Trương Tấn H, ông Trương Đoàn Anh D cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim N có cùng ý kiến và thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra các ông bà đều không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng H, trẻ Nguyễn Hoàng K có bà Nguyễn Thị Thanh L đại diện theo pháp luật, bà Đỗ Thị Đ, bà Đoàn Thanh Q và ông Đoàn Minh Q có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản khai, các ông bà trình bày: Các ông bà có cùng ý kiến và thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp hành theo bản án quyết định của Tòa án. Đồng thời các ông bà có đơn xin vắng mặt

trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Văn phòng công chứng B có ông Đoàn Thanh H đại diện theo pháp luật trình bày: Căn cứ hồ sơ lưu trữ, quy định Luật công chứng và các quy định pháp luật có liên quan, Văn phòng công chứng B công chứng Di chúc theo yêu cầu của người lập di chúc là bà Nguyễn Thị N là hoàn toàn đúng với trình tự, thủ tục luật định, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các đương sự trong vụ án tranh chấp nhau về thừa kế tài sản, Văn phòng công chứng B nhận thấy không liên quan đến tranh chấp giữa các đương sự và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Thống nhất hiện trạng nhà đúng như Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 13/11/2019 của Trung tâm đo đạc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập. Việc xây sửa chống dột không đáng kể, vì phần lớn là tiền do Ủy ban nhân dân phường hỗ trợ gia đình. Nguyên đơn yêu cầu chia theo thừa kế theo tỷ lệ và nhận tiền sau khi nhà được phát mãi để thi hành án. Bị đơn yêu cầu được nhận nhà và trả lại kỷ phần thừa kế từ di sản của cụ Đoàn Văn N cho các đồng thừa kế với lý do được hưởng hơn ½ Căn nhà.

Luật sư và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu hủy Di chúc ngày 18/6/2014, với lý do khi tiến hành lập Di chúc công chứng viên đã dựa vào bản sao có chứng thực từ năm 2001, đến khi công chứng là 13 năm, mà không có bản chính là trái quy định pháp luật về công chứng. Giấy khám sức khỏe ngày 10/6/2014 của Bệnh viện Quận B không đảm bảo quy trình, thủ tục theo quy định luật khám chữa bệnh vì không được khám bệnh ngoài cơ sở chữa bệnh, xác nhận nội dung khám chữa bệnh có chữ ký của các bác sĩ không có mặt lúc khám bệnh không đảm bảo tính xác thực. Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn N và cụ Nguyễn Thị N theo pháp luật.

Luật sư và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào Di chúc ngày 18/6/2014 được chứng thực hợp pháp để làm căn cứ phân chia di sản thừa kế, đề nghị nhận nhà do bị đơn được hưởng phần nhiều hơn ½ và trả lại tiền tương ứng với phần thừa kế cho các thừa kế còn lại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thu

thập chứng cứ, hòa giải, xét xử. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền của mình, phiên tòa được thực hiện đúng trình tự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy di chúc ngày 18/6/2014. Chia thừa kế toàn bộ căn nhà theo pháp luật, chia theo tỷ lệ và phát mãi nhà để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị X, ông Đoàn Thanh L, là người nước ngoài và đang định cư tại nước ngoài, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 464; 465; 466; 468; 469; 470; 476; 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật, hủy di chúc (tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu) theo quy định tại khoản 5, khoản 11 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người làm chứng đã có lời khai gửi cho tòa án và có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 227, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

[4] Về hàng thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai nhận của các đương sự xác định hàng thừa kế như sau:

[4.1] Hàng thừa kế của cụ Đoàn Văn N (chết năm 1980) gồm:

- Cụ Nguyễn Thị N;
- Bà Đoàn Thị X;
- Ông Đoàn Văn Q;

- Bà Đoàn Thị Mỹ D (chết năm 2012) có chồng là ông Trương Tấn H và con là Trương Đoàn Anh D;

- Ông Đoàn Hữu P;
- Bà Đoàn Thanh T;
- Ông Đoàn Thanh L;
- Bà Nguyễn Thị Thanh L.

[4.2] Hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị N (chết năm 2014) gồm:

- Bà Đoàn Thị X;
- Ông Đoàn Văn Q;
- Bà Đoàn Thị Mỹ D (chết năm 2012) có con là Trương Đoàn Anh D là người thừa kế thế vị, theo quy định tại Điều 677 Bộ luật Dân sự 2005;

- Ông Đoàn Hữu P;
- Bà Đoàn Thanh T;
- Ông Đoàn Thanh L;
- Bà Nguyễn Thị Thanh L.

[5] Về di sản thừa kế: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 1276 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 08/7/1992 cho cụ Nguyễn Thị N; căn cứ Tờ khai chuyển dịch tài sản nộp thuế trước bạ ngày 15/9/1992 và Quyết định đổi sổ nhà của Ủy ban nhân dân quận B ngày 28/12/2004. Căn cứ Giấy chứng tử đối với cụ Đoàn Văn N chết ngày 05/8/1980 của Ủy ban nhân dân phường N, Quận B và Giấy chứng tử đối với cụ Nguyễn Thị N chết ngày 17/10/2014 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận B cấp. Đủ cơ sở xác định Căn nhà số 36 đường H, phường B, Quận B là di sản thừa kế mà mỗi cụ sở hữu $\frac{1}{2}$ (một nửa) giá trị Căn nhà theo quy định tại Điều 633, Điều 634 Bộ luật Dân sự 2005.

[5.1] Di sản của cụ Đoàn Văn N (chết 1980): Các đương sự đều thống nhất di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn N là $\frac{1}{2}$ giá trị Căn nhà sẽ được chia đều cho các thừa kế theo pháp luật gồm 8 phần như Mục [4.1] nêu trên, do cụ Đoàn Văn N không có di chúc. Mỗi người được hưởng một suất thừa kế là $\frac{1}{16}$ (một phần mười sáu) giá trị Căn nhà, trong đó phần của bà Đoàn Thị Mỹ D là $\frac{1}{16}$ được chia đều cho chồng là ông Trương Tấn H và con là Trương Đoàn Anh D mỗi người được $\frac{1}{2}$ (một phần hai) của $\frac{1}{16}$ giá trị Căn nhà.

[5.2] Di sản của cụ Nguyễn Thị N (chết ngày 17/10/2014): là $\frac{1}{2}$ Căn nhà tương đương là $\frac{8}{16}$ giá trị Căn nhà và phần thừa kế từ di sản của cụ Đoàn Văn

N là 1/16 giá trị Căn nhà. Tổng cộng Di sản của cụ Nguyễn Thị N là 9/16 (chín phần mười sáu) giá trị Căn nhà.

[6] Xét yêu cầu hủy Di chúc số công chứng 011109 lập tại Văn phòng công chứng B ngày 18/6/2014. Hội đồng xét xử xét thấy:

[6.1] Xét thủ tục thực hiện công chứng di chúc: Căn cứ nội dung Di chúc ghi di sản và các tài liệu chứng minh di sản là tài sản của người yêu cầu làm di chúc có nêu cụ Nguyễn Thị N là đồng sở hữu căn nhà số 36/3 đường H, phường 4, Quận B theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 1276 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 08/7/1992. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ tài liệu do Văn phòng công chứng B cung cấp cho Tòa án, thì bản sao của giấy chứng nhận nêu trên được chụp lại từ bản sao do Ủy ban nhân dân quận B chứng thực bản chính ngày 12/12/2001. Tòa án có yêu cầu Văn phòng công chứng B và ông Đỗ Trí T xác định tại thời điểm công chứng di chúc, người yêu cầu có xuất trình bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà hay không để làm căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 06/4/2021, tại Đơn trình bày ý kiến của ông Đỗ Trí T có người đại diện theo ủy quyền có nêu: *Về thành phần hồ sơ công chứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 Luật Công chứng 2006, thì trong hồ sơ lưu thể hiện giấy chứng nhận (có đóng dấu chứng Đỗ Trí T thực là không trái quy định). Hội đồng xét xử xét thấy, quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 35 Luật công chứng 2006 có nêu: d) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; 2. Bản sao quy định tại khoản 1 Điều này là bản chụp, bản in, bản đánh máy hoặc bản đánh máy vi tính nhưng phải có nội dung đầy đủ, chính xác như bản chính và không phải có chứng thực. Do đó, bản sao Văn phòng công chứng B nhận từ người yêu cầu thì được chứng thực, là có mâu thuẫn với trình bày của công chứng viên và quy định của pháp luật. Đủ cơ sở xác định khi thực hiện công chứng giao dịch Văn phòng công chứng B không đối chiếu bản chính mà đối chiếu bản được chứng thực, người yêu cầu công chứng không xuất trình được bản chính tại thời điểm công chứng.*

[6.2] Xét việc điểm chỉ mà không có chữ ký trong Di chúc của người yêu cầu công chứng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật công chứng 2006 có nội dung: 2. *Việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong văn bản công chứng trong các trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký. Căn cứ các văn bản làm thủ tục nhà năm*

1992, cụ thể là tại Đơn xin hợp thức hóa nhà ngày 07/4/1992, cụ Nguyễn Thị N viết tay và ký tên; Tờ khai chuyển dịch tài sản, Tường trình về nguồn gốc nhà ngày 24/4/1992 cụ Nguyễn Thị N viết tay và ký tên. Tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị T thể hiện cụ Nguyễn Thị N đã ký tên, ghi rõ họ và tên, được thực hiện ngày 19+21 tháng 01 năm 2013, cách thời điểm cụ làm Di Chúc là 1 năm 6 tháng. Do đó bị đơn nêu tại phiên tòa, cụ Nguyễn Thị N không biết chữ để không ký tên vào Di chúc là không có căn cứ để chấp nhận. Việc không thể ký tên vào Di chúc và phải thực hiện công chứng tại chỗ ở tại thời điểm lập di chúc đủ cơ sở xác định cụ Nguyễn Thị N phải có vấn đề về sức khỏe. Nên việc lập Di chúc phải được chứng nhận sức khỏe hợp pháp mới đủ cơ sở xác định tại thời điểm lập di chúc người yêu cầu minh mẫn theo quy định pháp luật, là điều kiện bắt buộc.

[6.3] Xét Giấy khám sức khỏe ngày 10/6/2014: Căn cứ Công văn 1671/SYT-NVY của Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh trả lời Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/9/2017, có nội dung: *Bệnh viện quận B chỉ cử một bác sĩ đến nhà kiểm tra tình trạng tuân hoàn, cơ xương khớp, thần kinh đối với khách hàng, các bác sĩ khác không trực tiếp khám nhưng lại ký xác nhận kết quả trên giấy khám sức khỏe là không đúng với quy định pháp luật hiện hành.* Tại Công văn 2581/SYT- của Sở Y Tế ngày 20/5/2019 V/v thu hồi hoặc hủy giấy khám sức khỏe gửi Bệnh viện quận B và Phòng Y tế quận B có nội dung: *Bệnh viện quận B sử dụng bác sĩ chưa có chứng chỉ hành nghề ký cho nhiều chuyên khoa là sai quy định tại khoản 1, Điều 9 Thông tư 14/2013/TT-BYT của Bộ Y Tế ngày 06/5/2013 hướng dẫn khám sức khỏe. Đến nay Giấy khám sức khỏe của bà Nguyễn Thị N thực hiện ngày 10/6/2014 không còn giá trị. Tuy nhiên, nếu kết luận khám sức khỏe có liên quan đến yếu tố pháp luật (khám sức khỏe đi di trú, khám sức khỏe để lập di chúc, khám nghĩa vụ quân sự ...) thì Bệnh viện quận B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả khám sức khỏe của đơn vị....* Dù cơ sở xác định Giấy khám sức khỏe ngày 10/6/2014, của Bệnh viện quận B không có giá trị xác nhận tình trạng sức khỏe của cụ Nguyễn Thị N tại thời điểm thăm khám.

[6.4] Căn cứ vào lời trình bày của những người làm chứng là hàng xóm và tổ trưởng tổ dân phố đều có nội dung cụ Nguyễn Thị N nằm một chỗ không giao tiếp được với ai một năm trước khi chết, mặc dù có mâu thuẫn với người làm chứng do bị đơn cung cấp là người phát báo. Do đó, lời chứng của người làm chứng là hàng xóm ở gần bên nhà cần được xem xét khách quan hơn người làm chứng là người phát báo. Mặt khác người làm chứng trong di chúc theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa nêu là người quen của

ông Bùi Kim H là chồng của bị đơn, quen biết khi đi chùa, nay không biết ở đâu. Mặc dù người làm chứng không có quyền lợi nghĩa vụ trong di chúc nhưng là người quen biết của người thân người được hưởng di chúc và cũng không phải do cụ Nguyễn Thị N yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Công chứng 2006 quy định, *người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời, nếu không mời được thì công chứng viên chỉ định*; làm cho việc làm chứng trong di chúc không đảm bảo khách quan.

[6.5] Từ những căn cứ nêu trên cho thấy tại thời điểm thực hiện di chúc cụ Nguyễn Thị N không có Giấy khám sức khỏe hợp pháp làm cơ sở xác định là minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc. Cùng với việc thực hiện thủ tục của Văn phòng công chứng B với những sai sót về mặt thủ tục như nhận định nêu trên. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy Di chúc số công chứng 011109 lập tại Văn phòng công chứng B ngày 18/6/2014 do không hợp pháp theo quy định tại Điều 630 Bộ luật Dân sự 2005.

[7] Xét công sức chăm sóc, bảo quản duy trì tài sản và xây dựng: Các đương sự thống nhất không yêu cầu với lý do các con cùng nhau chăm sóc, “*kể góp của, người góp công*”. Về phần xây sửa là không đáng kể, cũng không ai bỏ tiền. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Từ những căn cứ nêu trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Đoàn Văn N (chết năm 1980) tại Mục [4.1] cho các thừa kế theo pháp luật tại Mục [5.1] và di sản của cụ Nguyễn Thị N tại Mục [4.2] cho các thừa kế theo pháp luật tại Mục [5.2] theo quy định tại Điều 631; Điều 633; Điều 634; Điều 635; điểm a khoản 1 Điều 652; Điều 674; Điều 675; Điều 676 và Điều 677 Bộ luật Dân sự 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011, như sau:

- Bà Đoàn Thị X được chia: 1/7 giá trị Căn nhà;
- Ông Đoàn Văn Q, được chia 1/7 giá trị Căn nhà;
- Bà Đoàn Thị Mỹ D (chết năm 2012) 1/7 giá trị Căn nhà được chia:
 - * Ông Trương Tấn H, được 7/32 của 1/7 giá trị Căn nhà
 - * Anh Trương Đoàn Anh D, được 25/32 của 1/7 giá trị căn nhà;
- Ông Đoàn Hữu P, được chia 1/7 giá trị Căn nhà;
- Bà Đoàn Thanh T được chia 1/7 giá trị Căn nhà;
- Ông Đoàn Thanh L được chia 1/7 giá trị Căn nhà;
- Bà Nguyễn Thị Thanh L được chia 1/7 giá trị Căn nhà.

[9] Phương thức chia thừa kế: Nguyên đơn yêu cầu chia giá trị bằng tiền theo tỷ lệ tương ứng tại thời điểm thi hành án, được những người thừa kế khác đồng ý phù hợp với quy định pháp luật. Bị đơn yêu cầu được công nhận quyền sở hữu nhà và trả lại phần giá trị nhà do được hưởng nhiều hơn theo Di chúc, nhưng không được chấp nhận. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia thừa kế bằng giá trị tiền theo tỷ lệ tại thời điểm thi hành án, bằng phương thức các bên thỏa thuận giá để thi hành án, nếu không được thì phát mãi thi hành án. Bị đơn được công nhận quyền sở hữu nhà trong trường hợp phải thanh toán được hết số tiền theo tỷ lệ mà các thừa kế còn lại được nhận, tại thời điểm thi hành án. Buộc những người đang cư trú trong nhà gồm bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Nguyễn Văn H (chồng bà L), anh Nguyễn Hoàng H và trẻ Nguyễn Hoàng K (con bà L), ông Đoàn Hữu P, bà Đỗ Thị D (vợ ông P), bà Đoàn Thanh Q và ông Đoàn Minh Q (con ông P) phải giao nhà cho các đồng thừa kế khi có yêu cầu thi hành án.

[10] Chi phí thẩm định giá các đương sự phải chịu theo quy định. Căn cứ Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá ngày 20/3/2020, thì chi phí thẩm định giá là 8,000,000 đồng do bị đơn có ông Bùi Kim H đại diện tạm ứng, được chia đều cho 07 phần thừa kế. Như vậy bà Đoàn Thị X; ông Đoàn Văn Q; ông Đoàn Hữu P; ông Đoàn Thanh L; bà Nguyễn Thị Thanh L, mỗi người phải trả cho bị đơn số tiền 1,143,000 đồng (một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Riêng bà Đoàn Thị Mỹ D (chết năm 2012) có ông Trương Tấn H phải trả cho bị đơn số tiền thẩm định giá là 250,000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) và anh Trương Đoàn Anh D phải có nghĩa vụ trả cho bị đơn số tiền là 893,000 đồng (tám trăm chín mươi ba nghìn đồng);

[12] Chi phí đo vẽ nguyên đơn tự nguyện chịu.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và ông Đoàn Văn Q, ông Trương Tấn H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Riêng bà Đoàn Thị X căn cứ theo Giấy ủy quyền đề ngày 22/5/2018 có bản sao hộ chiếu đính kèm thể hiện bà Đoàn Thị X có quốc tịch Úc, không thuộc trường hợp quy định được miễn giảm án phí. Căn cứ chứng thư thẩm định giá Số 0304-2/2020/CT-MHD ngày 03/4/2020, kết quả định giá tài sản là 4,316,599,000 đồng (bốn tỷ ba trăm mười sáu nghìn năm trăm chín mươi chín nghìn đồng) và phải chịu án phí như sau:

- Đoàn Thị X, phải chịu án phí trên số tiền 616,657,000 là 20,000,000 đồng + $(216,657,000 \times 4\%) = 28,666,280$ đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).

- Đoàn Văn Q, sinh năm 1956; không phải chịu án phí

- Trương Tấn H, sinh năm 1956 không phải chịu án phí

- Trương Đoàn Anh D, sinh năm 1987; chịu án phí trên số tiền 481,763,281 đồng là 20,000,000 đồng + $(81,763,281 \times 4\%) = 23,270,531$ đồng (hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm ba mươi một đồng).

- Đoàn Hữu P, sinh năm 1960; không phải chịu án phí

- Đoàn Thanh T, sinh năm 1962; chịu án phí 28,666,280 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).

- Đoàn Thanh L, sinh năm 1964; chịu án phí 28,666,280 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).

- Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1965, chịu án phí 28,666,280 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 464; 465; 466; 468; 469; 470; 476; 479 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5, khoản 11 Điều 26, Điều 227, Điều 229 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 631; Điều 633; Điều 634; Điều 635; điểm a khoản 1 Điều 652; Điều 674; Điều 675; Điều 676 và Điều 677 Bộ luật Dân sự 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1, khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 41 Luật công chứng 2006;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

1. Hủy Di chúc số công chứng 011109 lập tại Văn phòng công chứng B ngày 18/6/2014;

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Đoàn Văn N và cụ Nguyễn Thị N là Căn nhà số 36/3 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Căn nhà). Chia bằng giá trị tiền đồng tương ứng tỷ lệ được hưởng tại thời điểm thi hành án. Các thừa kế được chia di sản với tỷ lệ sau:

- Bà Đoàn Thị X được chia: 1/7 giá trị Căn nhà;
- ông Đoàn Văn Q, được chia 1/7 giá trị Căn nhà;
- Bà Đoàn Thị Mỹ D (chết năm 2012)
 - * Ông Trương Tấn H, được chia 7/32 của 1/7 giá trị Căn nhà;
 - * Anh Trương Đoàn Anh D, được chia 25/32 của 1/7 giá trị căn nhà;
- Đoàn Hữu P, được chia 1/7 giá trị Căn nhà;
- Đoàn Thanh T được chia 1/7 giá trị Căn nhà;
- Đoàn Thanh L được chia 1/7 giá trị Căn nhà;
- Nguyễn Thị Thanh L được chia 1/7 giá trị Căn nhà.

Thực hiện tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Phương thức thi hành: Các thừa kế có quyền tự thỏa thuận giá trị Căn nhà để thi hành án, nếu không thỏa thuận được giá trị Căn nhà thì buộc phải phát mãi Căn nhà số 36/3 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, để thi hành án.

Bị đơn được công nhận quyền sở hữu Căn nhà số 36/3 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, trong trường hợp phải thanh toán được hết số tiền theo tỷ lệ mà các thừa kế còn lại được nhận.

4. Buộc ông Nguyễn Văn H (chồng bà L), bà Nguyễn Thị Thanh L, anh Nguyễn Hoàng H và trẻ Nguyễn Hoàng K (con bà L), ông Đoàn Hữu P, bà Đỗ Thị Đ (vợ ông P), bà Đoàn Thanh Q và ông Đoàn Minh Q (con ông P) phải giao Căn nhà số 36/3 đường H, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, cho các đồng thừa kế khi có yêu cầu.

5. Chi phí tố tụng là chi phí thẩm định giá tài sản các đương sự phải chịu theo quy định. Buộc bà Đoàn Thị X; ông Đoàn Văn Q; ông Đoàn Hữu P; ông Đoàn Thanh L; bà Nguyễn Thị Thanh L, mỗi người phải trả cho bị đơn số tiền 1,143,000 đồng (một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Ông Trương Tấn H phải trả cho bị đơn số tiền là 250,000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) và anh Trương Đoàn Anh D phải có nghĩa vụ trả cho bị đơn số tiền là 893,000 đồng (tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Thi hành tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Chi phí đo vẽ bị đơn tự nguyện chịu.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị X, phải chịu án phí là 28,666,280 đồng (hai mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi đồng).
- Ông Đoàn Văn Q, sinh năm 1956; không phải chịu án phí
- Ông Trương Tấn H, sinh năm 1956 không phải chịu án phí
- Anh Trương Đoàn Anh D, phải chịu án phí là 23,270,531 đồng (hai mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, năm trăm ba mươi một đồng).
- Ông Đoàn Hữu P, sinh năm 1960; không phải chịu án phí
- Bà Đoàn Thanh T, sinh năm 1962; chịu án phí 28,666,280 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).
- Ông Đoàn Thanh L, sinh năm 1964; chịu án phí 28,666,280 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).
- Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1965, chịu án phí 28,666,280 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3,500,000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và 200,000 đồng (hai trăm nghìn đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí lệ phí số AG/2010/08258 ngày 05/3/2015 và AE/2011/03012 ngày 28/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Châu Kim Anh